

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC KÝ BIÊN BẢN GHI NHỚ VỚI VIETTEL
KẾT NỐI MẠNG GIÁO DỤC TỈNH BẾN TRE

Ngày 06/11/2008 UBND tỉnh Bến Tre, Sở Giáo dục và Đào tạo Bến Tre, Chi nhánh kinh doanh Bến Tre (Công ty viễn thông quân đội Viettel) đã ký Biên bản ghi nhớ Triển khai chương trình kết nối mạng giáo dục nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bến Tre.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo đến các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trực thuộc để biết và phối hợp với Chi nhánh của Viettel tại Bến Tre thực hiện.

Theo thông báo của Viettel về bảng giá áp dụng cho Dự án mạng giáo dục, việc kết nối Internet ADSL và sử dụng đường truyền này để truy cập Internet là miễn phí hoàn toàn đối với các trường THPT, THCS, TH, Mẫu giáo, Mầm non và các cơ sở khác tương đương thuộc mạng giáo dục.

Các đơn vị, cơ sở giáo dục có nhu cầu có thể thực hiện ký kết hợp đồng với Viettel để kết nối đường truyền ADSL phục vụ cho các hoạt động ứng dụng CNTT của đơn vị.

Trong trường hợp đơn vị đã có hợp đồng kết nối ADSL với Bưu chính Viễn thông tỉnh, sau khi đường truyền ADSL của Viettel hoạt động bình thường, thì tùy theo yêu cầu về số đường truyền của đơn vị để thực hiện giữ lại hoặc ngưng hợp đồng với Viễn thông tỉnh.


Sở Giáo dục và Đào tạo gửi kèm Thông báo này Biên bản ghi nhớ với Viettel; Mẫu hợp đồng và phụ lục hợp đồng kết nối ADSL của Viettel và Bảng giá mức ưu đãi, cước sử dụng dịch vụ tin học, Internet của Bưu chính Viễn thông tỉnh để các đơn vị tham khảo lựa chọn sao cho phù hợp với điều kiện cụ thể và có lợi nhất cho đơn vị.

Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo đến các đơn vị trực thuộc Phòng để biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu : VT.

GIÁM ĐỐC



Lê Ngọc Bữu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

-----***-----

BIÊN BẢN GHI NHỚ

Giữa ba bên

UBND TỈNH BẾN TRE,

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BẾN TRE,

và

CHI NHÁNH KINH DOANH BẾN TRE,

- Căn cứ vào Chỉ thị số: 55/2008/CT-BGDĐT ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường giảng dạy, đào tạo và ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành giáo dục giai đoạn 2008-2012.

- Căn cứ vào Công văn số 9772/BGDĐT-CNTT ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT năm học 2008-2009;

- Căn cứ vào Biên bản nghị nhớ giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (Viettel) ngày 04 tháng 01 năm 2008 về việc phối hợp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Giáo dục và Đào tạo cũng như thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu xã hội.

Hôm nay, ngày 06 tháng 11 năm 2008, chúng tôi gồm ba bên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Địa chỉ: 7 Cách Mạng Tháng Tám, P.3 Tx Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Phó Chủ Tịch

Sau đây gọi là UBND Tỉnh Bến Tre

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BẾN TRE

Địa chỉ: 25 Lê Quý Đôn, P.2, Tx. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Đại diện bởi: Ông Lê Ngọc Bửu – Giám Đốc

Sau đây gọi là Sở GD&ĐT Tỉnh Bến Tre

Và

CN KINH DOANH BẾN TRE-TCT VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI

Địa chỉ: 67C ĐL Đồng Khởi, P. Phú Khương, Tx. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Đại diện bởi: Ông Đặng Mạnh Tiến – Giám Đốc

Sau đây gọi là Chi Nhánh Kinh Doanh Bến Tre

cùng ký Biên bản ghi nhớ có nội dung như sau:

1. Mục tiêu chung

Triển khai hoàn thành chương trình kết nối mạng Giáo dục nhằm đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ Thông tin trong ngành Giáo dục và Đào tạo tại tỉnh Bến Tre

2. Các hoạt động chung

Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND Tỉnh Bến Tre và Chi Nhánh Kinh Doanh Bến Tre cam kết hợp tác toàn diện trong các hoạt động sau:

- Khai thác hạ tầng và các dịch vụ Bưu chính - Viễn thông của Viettel để phục vụ nhu cầu của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bến Tre
- Cùng phối hợp, hỗ trợ trong công tác triển khai kết nối mạng Giáo dục tại tỉnh Bến Tre
- Phối hợp, tổ chức triển khai các sự kiện liên quan đến ngành Giáo dục có sự tham gia của ba bên tại tỉnh Bến Tre

3. Phạm vi ứng dụng

- Toàn bộ các cơ sở thuộc ngành Giáo dục trên địa bàn tỉnh Bến Tre

4. Trách nhiệm của UBND Tỉnh Bến Tre

- Chỉ đạo các Sở, ban ngành có liên quan phối hợp, các doanh nghiệp quản lý hạ tầng hỗ trợ sở Giáo dục và Đào tạo và Chi nhánh Kinh Doanh Bến Tre trong việc triển khai hạ tầng mạng lưới Viễn thông kết nối mạng giáo dục tại tỉnh Bến Tre
- Hỗ trợ các sở Giáo dục và Đào tạo và Chi nhánh Kinh Doanh Bến Tre trong các hoạt động tổ chức sự kiện, quảng bá thương hiệu hai bên trong lĩnh vực Giáo dục tại tỉnh Bến Tre

5. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tổ chức họp giao ban thường xuyên với Chi nhánh Viettel, có sự tham gia của các Sở, ban ngành trong công tác triển khai kết nối mạng Giáo dục tại tỉnh Bến Tre
- Phối hợp với chi nhánh Viettel trao đổi thống nhất đưa ra các hình thức quảng bá thương hiệu, sản phẩm dịch vụ của Viettel trong các dịp tổ chức sự kiện, trong các phòng tin học và các hoạt động khác liên quan đến ngành Giáo dục tại tỉnh Bến Tre.
- Thường xuyên báo cáo tiến độ triển khai mạng Giáo dục với UBND Tỉnh Bến Tre, những vấn đề khó khăn trong công tác triển khai để UBND Tỉnh Bến Tre chỉ đạo các Sở, ban ngành hỗ trợ.

6. Trách nhiệm của Chi nhánh Kinh Doanh Bến Tre

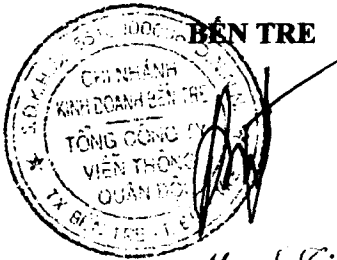
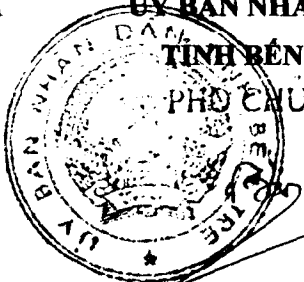
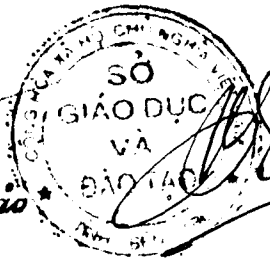
- Phối hợp với sở Giáo dục triển khai kết nối mạng Giáo dục theo đúng tiến độ đã đưa ra.

- Phối hợp với sở Giáo dục và Đào tạo trao đổi thông nhất đưa ra các hình thức quảng bá thương hiệu, sản phẩm dịch vụ của Viettel trong các dịp tổ chức sự kiện, trong các phòng tin học tại tỉnh Bến Tre
- Thường xuyên họp giao ban với sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ban ngành liên quan trong công tác triển khai mạng Giáo dục.

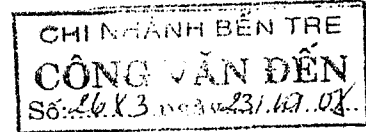
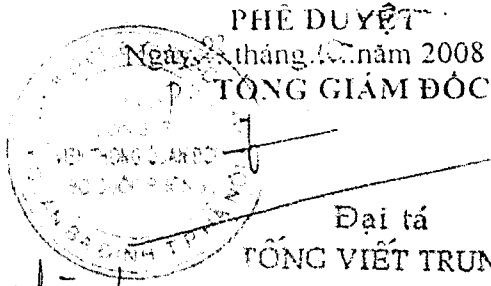
7. Tổ chức thực hiện

- UBND Tỉnh Bến Tre là cơ quan đại diện để chỉ đạo triển khai biên bản ghi nhớ này.
- Sở Giáo dục và Đào tạo là đơn vị đầu mối, chủ trì triển khai ký kết các hợp đồng, các hình thức trao đổi quảng bá thương hiệu của Viettel và các hoạt động khác liên quan đến ngành Giáo dục tại tỉnh Bến Tre
- Chi Nhánh Kinh Doanh Bến Tre là đơn vị đầu mối, chủ trì triển khai cơ sở hạ tầng Viễn thông.
- UBND Tỉnh Bến Tre, Sở Giáo dục và Đào tạo và Chi Nhánh Kinh Doanh Bến Tre định kỳ 3 tháng tổ chức các buổi họp rút kinh nghiệm và phương hướng thực hiện trong thời gian tiếp theo.

Biên bản này được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

<p>ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH KINH DOANH BẾN TRE</p>  <p><i>Dương Mạnh Giỏi</i></p>	<p>ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE PHÓ CHỦ TỊCH</p>  <p><i>Nguyễn Quốc Bảo</i></p>	<p>ĐẠI DIỆN SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BẾN TRE</p>  <p><i>Lê Ngọc Bửu</i></p>
---	---	---

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2008



Đại tá
TỔNG VIẾT TRUNG TỜ TRÌNH

Về việc xin chính sách giá đặc biệt cho Bộ Giáo dục và Đào tạo

Kính gửi: Ban Giám đốc TCT Viễn thông Quân đội.

Căn cứ báo cáo dự án Mạng Giáo dục ký ngày 23/7/2008 giữa Cục CNTT - Bộ Giáo dục & Đào tạo và Công ty Viễn thông Viettel - TCT Viễn thông Quân đội; Căn cứ Tờ trình số 49/TTr-KHDN được ký ngày 22/7/2008 về việc xin chính sách giá đặc biệt cho Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Công ty Viễn thông Viettel.

Sau khi ban hành chính sách giá đặc biệt cho Bộ Giáo dục & Đào tạo, Công ty Viễn thông Viettel đã phối hợp với các CNKD Tỉnh/TP liên hệ, tiếp xúc với các đơn vị thuộc Mạng Giáo dục trên toàn quốc. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực tế, nhiều CNKD áp dụng không đúng chính sách cho đối tượng được quy định tương ứng; nhiều đơn vị thuộc Mạng giáo dục có nhu cầu đăng ký các gói Leased line, ADSL ngoài chính sách đã công bố.

Vì vậy, để chuẩn hóa lại các đối tượng được hưởng chính sách và đa dạng hóa thêm các mức cước giúp các CNKD Tỉnh/TP nắm rõ và tư vấn đúng đối tượng khách hàng, Công ty Viễn thông Viettel đã điều chỉnh, bổ sung lại chính sách và đối tượng áp dụng, thay thế cho tờ trình số 49/TTr-KHDN được ký ngày 22/7/2008 và mục 1 của tờ trình số 142/TTr-KHDN được ký ngày 05/9/2008. (có phụ lục 1, 2 đi kèm).

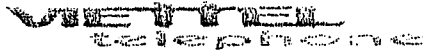
Kính trình Ban Giám đốc TCT xem xét, phê duyệt. /

GD CÔNG TY VIỄN THÔNG VIETTEL

Nơi nhận:

- BGĐ Tổng Công ty;
- Các đại diện Vùng;
- CN Viễn thông Tỉnh/TP (để thực hiện);
- Công ty Viễn thông Viettel (để thực hiện);
- Lưu: VT-KHDN, H07.


PHÓ GIÁM ĐỐC
Cao Đức Cường



Mã:

PHIẾU ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Tên khách hàng:

Người đại diện:

Số CMND/Hộ chiếu/ Hộ khẩu/ĐKKD: Cấp ngày:/...../..... Nơi cấp:

Người liên hệ (Ông/Bà): Điện thoại liên hệ:

Địa chỉ: Số..... Đường:..... Tổ.....

Phường/Xã:..... Quận/Huyện:..... Tỉnh/Thành phố.....

YÊU CẦU LẮP ĐẶT

A. LẮP ĐẶT INTERNET

Cung cấp trên đường dây mới Cung cấp trên đường dây điện thoại cố định của Viettel

THIẾT BỊ

Máy tính, Cầu hình.....

Modem

Card mạng

Splitter (Bộ lọc)

B. LẮP ĐẶT ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH

Cung cấp trên đường dây mới

Cung cấp trên ADSL của Viettel

Loại dịch vụ theo yêu cầu: Số lượng..... máy

Tên cơ quan hoặc cá nhân sử dụng:

Chức vụ:

Các yêu cầu khác đối với điện thoại cố định:

- Đăng ký cấp hoá đơn cước phí riêng hoặc chung với số máy:

- In bảng kê chi tiết kèm theo hoá đơn thanh toán cước phí hàng tháng:

Đăng ký

Không đăng ký

Địa chỉ lắp đặt: Số..... Đường:..... Tổ..... Phường/Xã:.....

Quận/Huyện:..... Tỉnh/Thành phố:.....

Bến Tre, ngày tháng năm 200...

NHÂN VIÊN VIETTEL

GDV tiếp nhận:h.....ngày:/...../200....

Xác nhận hồ sơ:h.....ngày:/...../200....

Giao dịch viên (ký):

Tên:

NGƯỜI YÊU CẦU

(Ký và ghi rõ họ tên)

SƠ ĐỒ ĐỊA ĐIỂM LẮP ĐẶT



Hãy nói theo cách của bạn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã CH/đại lý:.....
.....Ngày tháng ... năm 200...

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Điện thoại Cố định Internet

(Kèm hợp đồng số....., ngày...../...../.....)

Số HĐ	Số thuê bao/Tên truy nhập (Account - Không quá 20 ký tự)

ĐỊA CHỈ LẮP ĐẶT

Số nhà..... Đường..... Tổ.....ĐT liên hệ.....

Phường/Xã..... Quận/Huyện..... Tỉnh/Tp.....

A ĐĂNG KÝ LẮP ĐẶT DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH

Cung cấp trên đường dây mới Cung cấp trên đường ADSL của Viettel

1 LOẠI DỊCH VỤ YÊU CẦU Điện thoại Fax Hình thức khác.....

Số lượng máy:...../máy Loại máy:.....

2 HẠN MỨC SỬ DỤNG 1.000.000đ 2.000.000đ Trên 2.000.000đ Số tiền đặt cọc:.....đ

Lưu ý: Khách hàng đăng ký hạn mức trên 2.000.000đ, phải đặt cọc. Số tiền đặt cọc = Hạn mức đăng ký - 2.000.000đ

3 YÊU CẦU VỀ CHI TIẾT CƯỚC

a. Cấp hóa đơn cước phí: Riêng Chung với số máy.....

b. In bản kê chi tiết cước hàng tháng: In chi tiết cước Không in chi tiết cước

c. Đăng thông tin trong phần chỉ dẫn của danh bạ điện thoại: Không đăng ký Đăng ký

4 CÁC DỊCH VỤ GTGT (Khách hàng đánh dấu vào ô dịch vụ đăng ký)

Stt	Dịch vụ	Đăng ký	Stt	Dịch vụ	Đăng ký
1	Cấp tín hiệu đảo cực		13	Không hiển thị số chủ gọi	
2	Báo thức tự động		14	Thông báo có cuộc gọi đến khi đàm thoại	
3	Chuyển cuộc gọi tạm thời		15	Tạo nhóm trượt liên tục	
4	Hạn chế hoàn toàn 1080/1088		16	Tách số máy khỏi nhóm trượt	
5	Hạn chế hoàn toàn gọi DD, liên tỉnh, quốc tế		17	Bổ sung thêm số máy vào nhóm trượt	
6	Hạn chế hoàn toàn gọi quốc tế		18	Quay số rút gọn	
7	Hạn chế hoàn toàn gọi liên tỉnh, quốc tế		29	Hạn chế dịch vụ gọi 1268,1269	
8	Hạn chế cuộc gọi dùng mã cá nhân		20	Thiết lập đường dây nóng	
9	Hạn chế hoàn toàn chiều gọi đến		21	Thông báo vắng nhà	
10	Hạn chế hoàn toàn chiều gọi đi		22	Điện thoại 3 bên	
11	Hiển thị số máy gọi đến		23	Cài âm thông báo đổi số	
12	Nhận biết số máy gọi đến		24	Mở các dịch vụ đã hạn chế	

B ĐĂNG KÝ LẮP ĐẶT DỊCH VỤ INTERNET

Cung cấp trên đường dây mới Cung cấp trên đường PSTN của Viettel / Số phối thoại:.....

1 GIÁ DỊCH VỤ

Nội dung	Tốc độ	Ký nhận	Nội dung	Tốc độ	Ký nhận
<input type="checkbox"/> Home N	Tối đa 1024Kbps/512Kbps		<input type="checkbox"/> Office C	Tối đa 1664Kbps/640Kbps	
<input type="checkbox"/> Home E	Tối đa 1536Kbps/512Kbps		<input type="checkbox"/> Net C	Tối đa 2048Kbps/640Kbps	
<input type="checkbox"/> Home C	Tối đa 1664Kbps/512Kbps		<input type="checkbox"/> Net +	Tối đa 3072Kbps/640Kbps	

Phương án giá: Thuê bao trọn gói Thuê bao theo lưu lượng

2 ĐỊA CHỈ EMAIL (do Khách hàng lựa chọn)

Email

Người yêu cầu
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đại diện cửa hàng/Đại lý
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Giao dịch viên
(ký, ghi rõ họ tên)



Hãy nói theo cách của bạn

Hợp đồng số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã CH/Đại lý:.....

.....Ngày tháng ... năm 200...

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Điện thoại Cố định Internet

- Căn cứ Bộ luật Dân sự được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005
- Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính viễn thông được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 25 tháng 5 năm 2002
- Căn cứ vào nhu cầu của bên sử dụng và khả năng cung cấp dịch vụ viễn thông của Công ty viễn thông Viettel

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 200.....

CHÚNG TÔI GỒM

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (Gọi tắt là Bên A)

Tên cơ quan/Tổ chức/Cá nhân (viết hoa):.....

Người đại diện..... Chức vụ..... Ngày thành lập/Ngày sinh..... Nam/nữ.....

Số CMND/Hộ chiếu..... Nơi cấp..... Ngày cấp...../...../.....

Số GPKD..... Nơi cấp..... Ngày cấp...../...../.....

Tài khoản thanh toán..... Tại ngân hàng.....

Mã số thuế.....

Địa chỉ theo CMND/GPKD:

Số nhà..... Đường..... Tổ.....

Phường/xã..... Quận/Huyện..... Tỉnh/TP.....

Địa chỉ gửi TBC: Tên cơ quan/Tổ chức/cá nhân:.....

Số nhà..... Đường..... Tổ.....

Phường/xã..... Quận/Huyện..... Tỉnh/TP.....

Địa chỉ đăng ký sử dụng dịch vụ:

Số nhà..... Đường..... Tổ.....

Phường/xã..... Quận/huyện..... Tỉnh/TP.....

Điện thoại cố định:..... Di động:..... Email:.....

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ: TỔNG CTY VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI - CÔNG TY VIỄN THÔNG VIETTEL (Gọi tắt là Bên B)

Người đại diện: Ông Tống Viết Trung Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 1 Giang Văn Minh Ba Đình Hà Nội Điện thoại: 18008198 Fax: 04 2660446

Tài khoản giao dịch - dịch vụ ĐT cố định: 120.10.000.138039, tại NH Đầu tư và phát triển Việt Nam 05141.00208001, tại NHTMCP Quân đội

Tài khoản giao dịch - dịch vụ Internet: 120.10.000.138057, tại NH Đầu tư và phát triển Việt Nam 05141.00204006, tại NHTMCP Quân đội

Mã số thuế: 01 001 0910 6 - 01 1

Thỏa thuận ký hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông theo các điều khoản sau đây :

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Bên B cung cấp cho bên A các dịch vụ viễn thông theo phụ lục đính kèm hợp đồng này

ĐIỀU 2: GIÁ CƯỚC, PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

- Giá cước được áp dụng theo bảng cước hiện hành của bên B. Cước thuê bao được tính từ thời điểm hai bên cùng ký vào biên bản nghiệm thu bàn giao.
- Hàng tháng bên A thanh toán cước phí sử dụng dịch vụ theo bảng kê và hoá đơn thanh toán cước do bên B cung cấp.
- Phương thức thanh toán (Quý vị đánh dấu vào ô tương ứng):

Ủy nhiệm thu qua ngân hàng Tại các điểm giao dịch của Viettel Telecom
 Ủy nhiệm chi qua ngân hàng Tại địa chỉ khách hàng đăng ký gửi TBC

2.4. Thời hạn thanh toán:

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuối cùng của tháng tính cước, bên B có trách nhiệm gửi thông báo cước (nếu có) đến địa chỉ mà bên A đăng ký. Nếu đến ngày cuối cùng của thời hạn gửi thông báo thanh toán cước, Bên A chưa nhận được thông báo cước, Bên A có thể liên hệ theo số điện thoại 18008198 để được cung cấp thông tin.
- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuối cùng của kỳ cước, Bên B không nhận được phản hồi nào của Bên A, coi như Bên A đã nhận được thông báo thanh toán cước.
- Trong thời hạn tối đa là 25 ngày kể từ ngày cuối cùng của kỳ cước, Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản cước phí đã sử dụng. Quá thời hạn trên, Bên B có quyền tạm ngừng một chiều đối với dịch vụ điện thoại cố định và tạm ngừng toàn bộ đối với dịch vụ Internet. Bên A chịu lãi suất phát sinh cho số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

3.1. Quyền của bên A:

- Được quyền sử dụng dịch vụ hợp pháp theo Phụ lục đính kèm của hợp đồng này theo đúng tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thông tin do pháp luật quy định;
- Yêu cầu Bên B cung cấp hoặc không cung cấp bản kê chi tiết cước;
- Yêu cầu bên B thay đổi các nội dung trong hợp đồng, tạm ngừng hoặc ngừng hẳn việc cung cấp một phần hoặc toàn bộ dịch vụ theo quy định của pháp luật;
- Khiếu nại về những sai sót trong việc cung cấp dịch vụ của bên B theo quy định của pháp luật;
- Yêu cầu Bên B bảo mật tên, địa chỉ, số thuê bao, đăng ký hoặc không đăng ký vào sổ danh bạ điện thoại

3.2. Nghĩa vụ của bên A:

- Quản lý, sử dụng thiết bị, dịch vụ theo đúng các quy định của pháp luật và thông báo, hướng dẫn của bên B; không sử dụng các dịch vụ ngoài danh mục dịch vụ đã đăng ký trong hợp đồng và Phụ lục đính kèm; không sử dụng trái phép hoặc kinh doanh lại dịch vụ dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được phép của bên B;
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn mọi khoản cước phí sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật và các điều khoản trong hợp đồng này (kể cả trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại);
- Thực hiện bảo vệ an toàn mạng lưới theo quy định của pháp luật. Trường hợp có sự cố, chất lượng dịch vụ không đảm bảo, bên A phải thông báo kịp thời cho bên B để phối hợp xử lý;
- Khi cần thay đổi các nội dung trong hợp đồng, tạm ngừng hoặc ngừng hẳn việc sử dụng một phần hay toàn bộ dịch vụ, bên A phải trực tiếp đến các điểm giao dịch của Bên B để làm thủ tục và thanh toán cho bên B các chi phí cần thiết theo quy định để thực hiện các công việc trên;

- e) Có trách nhiệm trong việc bảo vệ tên truy nhập và mật khẩu (Password) và thiết bị đầu cuối của bên A, nếu để phát sinh cước ngoài ý muốn bên A vẫn phải thanh toán cước phí cho bên B;
- f) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng phải đảm bảo đầy đủ thiết bị để cài đặt, sử dụng dịch vụ của Bên B
- g) Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thông tin lưu trữ và truyền đi trên mạng Internet.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

4.1. Quyền của bên B

- a) Được kiểm tra việc sử dụng dịch vụ viễn thông của bên A theo quy định pháp luật. Trường hợp thiết bị đầu cuối, mạng lưới nội bộ, phần dây thuê bao,... (do bên A tự trang bị và lắp đặt) không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, bên B được quyền yêu cầu bên A thay đổi. Nếu bên A không thực hiện, bên B sẽ không chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ, đồng thời có thể thực hiện những biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn mạng lưới;
- b) Sau khi Hợp đồng được ký kết, bên B sẽ không hoàn trả lại phí lắp đặt hoặc phí hòa mạng ban đầu đã thu của bên A vì bất kỳ lý do nào nếu không phát sinh từ lỗi của bên B và bên A không có quyền khiếu nại trong trường hợp này.
- c) Trường hợp do điều kiện kỹ thuật, phát triển mạng lưới, hoặc theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên B có thể thay đổi số máy điện thoại cố định, Fax, các dịch vụ Internet của bên A nhưng bên B phải thông báo cho bên A ít nhất 30 ngày trước khi thực hiện.

4.2. Nghĩa vụ của bên B:

- a) Cung cấp dịch vụ theo Phụ lục đính kèm hợp đồng này và đảm bảo chất lượng dịch vụ đúng như các chỉ tiêu đã đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Hướng dẫn bên A sử dụng dịch vụ theo đúng các quy định, quy trình khai thác dịch vụ của Bên B
- b) Đảm bảo an toàn bí mật thông tin của bên A và xem xét, giải quyết các khiếu nại của bên A trong thời hạn theo quy định của Nhà nước.
- c) Xử lý sự cố để đảm bảo chất lượng dịch vụ cho bên A trừ các trường hợp sự cố phát sinh do các thiết bị (thiết bị đầu cuối, mạng lưới nội bộ, phần mềm ...) từ phía bên A gây ra.
- d) Cung cấp cho bên A hoá đơn thanh toán cước phí sử dụng các dịch vụ, bảng kê chi tiết cước hàng tháng (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- e) Thực hiện các yêu cầu của bên A về thay đổi nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng, tạm ngừng hoặc ngừng hẳn việc sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ theo quy định.

ĐIỀU 5: TẠM NGỪNG CUNG CẤP MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ DỊCH VỤ

5.1. Khi bên A có nhu cầu tạm ngừng sử dụng dịch vụ, bên A phải trực tiếp đến các điểm giao dịch của Bên B để làm thủ tục tạm ngừng.

- Thời hạn tối đa là 90 ngày kể từ ngày hai bên hoàn tất các thủ tục tạm ngừng.

5.2. Bên B có quyền đơn phương tạm ngừng cung cấp một phần hoặc toàn bộ dịch vụ trong trường hợp sau:

- a) Bên A vi phạm một trong các quy định tại Điều 2 khoản 2.4 điểm c, Điều 3 khoản 3.2 điểm a, b của hợp đồng này.
- b) Thiết bị đầu cuối, mạng nội bộ, dây thuê bao... của bên A không đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng kỹ thuật theo quy định sau khi đã có yêu cầu thay đổi từ Bên B mà Bên A vẫn không thực hiện.
- c) Bên A vi phạm pháp luật khi sử dụng dịch vụ hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5.3. Trong thời gian tạm ngừng, bên A phải thanh toán phần cước áp dụng cho thời gian tạm ngừng sử dụng dịch vụ theo quy định của Bên B

ĐIỀU 6: CHẤM DỨT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

6.1. Hiệu lực của hợp đồng này được chấm dứt khi bên A có yêu cầu bằng văn bản gửi cho Bên B và sau khi hai bên đã hoàn tất thủ tục thanh lý hợp đồng theo quy định của Bên B

6.2. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Hết thời hạn tạm ngừng sử dụng dịch vụ theo Điều 5 khoản 5.1 của hợp đồng này mà khách hàng không đến làm thủ tục khôi phục lại dịch vụ.
- b) Sau 90 ngày kể từ ngày tạm ngừng cung cấp dịch vụ theo quy định tại Điều 5 khoản 5.2 điểm a hợp đồng này mà bên A vẫn không chấm dứt hành vi vi phạm.
- c) Sau 90 ngày kể từ ngày tạm ngừng cung cấp dịch vụ theo quy định tại Điều 5 khoản 5.2 điểm b hợp đồng này mà bên A vẫn không thay đổi các thiết bị theo yêu cầu của bên B.
- d) Sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng, nếu bên A không trang bị đầy đủ thiết bị đầu cuối để có thể cài đặt và sử dụng dịch vụ của bên B.
- e) Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc trong trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6.3. Trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng theo một trong các lý do quy định tại khoản 6.2 Điều 6 nói trên, bên A vẫn phải thanh toán đầy đủ các khoản cước còn nợ cho bên B (kể cả lãi suất quá hạn nếu chậm thanh toán). Nếu bên A có nhu cầu sử dụng lại dịch vụ phải ký hợp đồng mới và thanh toán các khoản cước theo quy định của bên B.

6.4. Sau khi đã chấm dứt hiệu lực của hợp đồng mà bên A vẫn không thanh toán đầy đủ các khoản cước còn nợ cho bên B, bên B có quyền khởi kiện bên A ra trước Tòa án hoặc tiến hành các biện pháp thu hồi nợ khác theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 7: HẠN MỨC SỬ DỤNG

7.1. Bên B đồng ý ứng trước cho Bên A mức cước sử dụng điện thoại cố định hàng tháng theo đăng ký của Bên A tại Phụ lục đính kèm Hợp đồng này. Trong trường hợp Bên A không đăng ký hạn mức sử dụng Bên B có quyền áp dụng hạn mức thấp nhất theo quy định của Bên B tại thời điểm bên A đăng ký sử dụng dịch vụ.

7.2. Trong trường hợp Bên A sử dụng đến 75% hạn mức đăng ký trong tháng tính cước, Bên B sẽ có quyền lập thông báo yêu cầu Bên A thanh toán. Nếu quá thời hạn theo thông báo của Bên B mà Bên A vẫn không thanh toán, khi hết hạn mức đăng ký sử dụng bên B có quyền tạm ngừng cung cấp một phần hoặc toàn bộ dịch vụ.

ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TRANH CHẤP

8.1. Các khiếu nại của bên A về những nội dung vi phạm thuộc phạm vi quản lý Nhà nước về viễn thông và Internet sẽ được giải quyết theo pháp luật chung về giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

8.2. Các khiếu nại, tranh chấp thuộc phạm vi thoả thuận của O2 bên trong hợp đồng sẽ được các bên cùng xem xét, giải quyết. Nếu không thống nhất được thì các bên có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

8.3. Hai bên thống nhất áp dụng luật chuyên ngành về viễn thông, Internet và luật thương mại số 36/2005/QH11 (ban hành ngày 14/06/2005) và các văn bản hướng dẫn luật này để thực hiện hợp đồng và giải quyết các tranh chấp. Trong trường hợp, các luật trên không điều chỉnh sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 (ban hành ngày 14/06/2005).

ĐIỀU 9: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

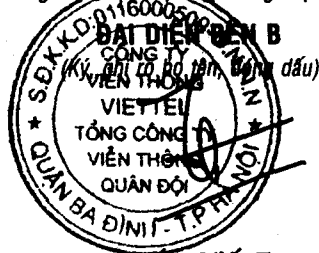
Hợp đồng có hiệu lực kể từ khi có đầy đủ chữ ký của hai bên trên hợp đồng và biên bản nghiệm thu bàn giao.

ĐIỀU 10: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC:

10.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của hợp đồng. Hợp đồng này có thể được xem xét thay đổi, bổ sung theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc theo thoả thuận giữa O2 bên. Việc sửa đổi, bổ sung phải được lập thành văn bản, có chữ ký của đại diện hợp pháp các bên.

10.2. Trong những trường hợp đặc biệt, ngoài việc tuân theo các quy định trong hợp đồng và Phụ lục đính kèm, hai bên còn phải tuân theo quy định tại bản cam kết đính kèm hợp đồng này. Trong trường hợp đó, bản cam kết là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

10.3. Hợp đồng này và phụ lục hợp đồng được làm thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản.



ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

29

38 26/11

TẬP ĐOÀN
 BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
 VIỆT NAM
 VIỄN THÔNG BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bến Tre, ngày 20 tháng 11 năm 2008

Số: ^{VNPT} 855/ CV-MDV
 (V/v Bổ sung nội dung cung cấp
 dịch vụ Tin học, Internet học đường)

Kính gửi: Sở Giáo dục – Đào tạo Bến Tre

Ngày 04/11/2008, Viễn thông Bến Tre có văn bản số: 824/CV-MDV về việc Cung cấp dịch vụ Tin học, Internet học đường. Theo đó, Viễn thông Bến Tre đã thông báo mức cước ưu đãi sử dụng dịch vụ Mega VNN (ADSL) cho các trường học, giáo viên tại các trường thuộc Sở GD-ĐT, áp dụng từ tháng 11/2008.

Tuy nhiên, qua quá trình thống kê, hình thức sử dụng dịch vụ tại các trường không đồng nhất, có trường đăng ký sử dụng dịch vụ trọn gói, có trường sử dụng theo hình thức lưu lượng.

Nhằm thuận lợi trong việc sử dụng dịch vụ cũng như áp dụng mức hỗ trợ chi phí cho tất cả các hình thức sử dụng, Viễn thông Bến Tre xin thông báo bổ sung một số nội dung ưu đãi đối với các trường, giáo viên sử dụng dịch vụ Mega VNN (ADSL) của Viễn thông Bến Tre như sau:

1. Đối với các trường học thuộc Sở GD-ĐT Bến Tre quản lý:

- Với các trường đăng ký sử dụng dịch vụ trọn gói: áp dụng mức ưu đãi cho từng gói cụ thể theo văn bản số:824/CV-MDV.
- Với các trường đăng ký hình thức theo lưu lượng:
 - + Các trường vùng sâu, vùng xa thuộc 4 xã khu vực Viễn thông công ích: miễn cước cho cả 2 hình thức sử dụng gói cước Easy.
 - + Các trường còn lại, áp dụng như sau :

TT	Gói cước/tốc độ lựa chọn	Mức cước phát sinh/tháng	Mức ưu đãi
1	Easy 1Mbps (1024/512 Kbps)	≥ 50.000 đồng/tháng	Giảm 20% cước phát sinh
2	Family 1.5 MBps (1536/512 Kbps)	≥ 70.000 đồng/tháng	Giảm 20% cước phát sinh
3	Extra 2 Mbps (2048/512 Kbps)	≥ 164.000 đồng/tháng	Giảm 30% cước phát sinh
4	Maxi 3Mbps (3072/640 Kbps)	≥ 300.000 đồng/tháng	Giảm 30% cước phát sinh

5	Maxi+ 3Mbps (3072/640 Kbps) miễn phí 01 IP tĩnh	≥ 1.200.000 đồng/tháng	Giảm 30% cước phát sinh
6	Pro 4Mbps (4096/640 Kbps)	≥ 2.000.000 đồng/tháng	Giảm 30% cước phát sinh

Các trường hợp cước phát sinh hàng tháng nhỏ hơn các mức tương ứng tại bảng trên : thu cước như quy định hiện hành.

Các mức cước trên chưa bao gồm thuế GTGT.

2. Đối với gia đình giáo viên của các trường nói trên:

- Giáo viên sử dụng dịch vụ theo hình thức lưu lượng: áp dụng như đối với các trường không thuộc vùng Viễn thông công ích nói trên.

- Giáo viên đăng ký sử dụng trọn gói: Giảm 50% mức cước trọn gói theo quy định hiện hành.

3. Thời gian áp dụng: từ tháng 11/2008, áp dụng cho tất cả các thuê bao là trường học, giáo viên thuộc các trường do sở GD-ĐT Bến Tre quản lý đang hoạt động và đăng ký mới trong gian tới.

Trên đây là một số nội dung liên quan đến việc hỗ trợ chi phí sử dụng dịch vụ Mega VNN của Viễn thông Bến Tre tại các trường học, giáo viên thuộc Ngành GD-ĐT trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Viễn thông Bến Tre xin thông báo để Quý Sở được biết và có kế hoạch triển khai đến các đơn vị.

Rất mong sự phối hợp của Quý Sở. Trân trọng kính chào!!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu : VT,M-DV (KT)

GIÁM ĐỐC 



Vào Đồng Điều

PHỤ LỤC 1: BẢNG GIÁ ÁP DỤNG CHO DỰ ÁN MẠNG GIÁO DỤC
(Các chi nhánh Viễn thông Tỉnh/TP nắm được chính sách giảm giá và các quy định khác để triển khai thực hiện)

STT	Đơn vị sử dụng	Băng thông trong nước	Giá cước trong nước (Áp dụng cho Giáo dục)	Băng thông quốc tế	Giá cước quốc tế (Áp dụng cho Giáo dục)	Chính sách hỗ trợ thêm	Cước quốc tế (sau khi hỗ trợ)	Tổng cước (trước VAT)	VAT (10%)	Tổng cước làm tròn (sau VAT)	Mô tả
1	Cơ quan Bộ GD & ĐT và Cơ quan đại diện của Bộ tại Tp HCM	34Mbps	15,342,000	Leased line: 2Mbps	21,479,000	Giảm giá 47% cước quốc tế	11,430,727	26,772,727	2,677,273	29,450,000	- Triển khai băng cáp quang - Cho mượn 1 Converter
2	Học viện, Đại học, Cao đẳng, Trung cấp Chuyên nghiệp	45Mbps	19,177,000	Leased line: 8Mbps	69,039,000	Giảm giá 39% cước quốc tế	42,136,636	61,363,636	6,136,364	67,500,000	- Triển khai băng cáp quang - Cho mượn 1 Converter
		34Mbps	15,342,000	Leased line: 1Mbps	34,366,000	Giảm giá 36% cước quốc tế	22,021,636	37,363,636	3,736,364	41,100,000	
		20Mbps	9,512,000	Leased line: 2Mbps	21,479,000	Giảm giá 36% cước quốc tế	13,750,727	23,272,727	2,327,273	25,600,000	
		12Mbps	6,402,000	Leased line: 2Mbps	21,479,000	Giảm giá 30% cước quốc tế	14,951,636	21,363,636	2,136,364	23,500,000	
		10Mbps	5,434,000	Leased line: 1.5Mbps	16,700,000	Giảm giá 30% cước quốc tế	11,656,909	17,090,909	1,709,091	18,800,000	
		8Mbps	4,603,000	Leased line: 1Mbps	13,174,000	Giảm giá 31% cước quốc tế	9,124,273	13,727,273	1,372,727	15,100,000	
		4Mbps	2,455,000	Leased line: 512Kbps	8,100,000	Giảm giá 57% cước quốc tế	3,454,091	5,909,091	590,909	6,500,000	
		4Mbps	2,455,000	Leased line: 256Kbps	4,655,000	Giảm giá 59% cước quốc tế	1,893,182	4,348,182	434,818	4,783,000	
3	Sở GD & ĐT	4Mbps	2,455,000	Leased line: 128Kbps	2,613,000	Miễn phí băng thông trong nước, giảm giá 58% cước băng thông quốc tế	1,109,091	1,109,091	110,909	1,220,000	- Triển khai băng cáp quang - Cho mượn 1 Converter
4	P Giáo dục, các Trường dạy nghề, Trung học phổ thông, Trung học cơ sở, Tiểu học, các trường Mẫu giáo, mầm non và các cơ sở khác tương đương thuộc Mạng Giáo dục			ADSL Max C: 2048/64Kbps	700,000	Miễn phí					- Trường hợp hạ tầng mạng cáp ADSL có thể đáp ứng được - Tặng 1 Modem 1 cổng
				Edge/GPRS: 32Kbps	3đ/KB	Miễn phí					- Trường hợp hạ tầng mạng cáp ADSL không thể đáp ứng được vùng sâu, vùng xa - Tặng 1 Modem GSM

Ghi chú:

- Các chi nhánh Viễn thông Tỉnh/TP khi truyền thông cho các đơn vị Giáo dục đối với kênh Internet trực tiếp thống nhất mức hỗ trợ của Viettel giảm là 70% tổng cước thuê kênh Internet.
- Tất cả chính sách theo dõi tương trên chỉ áp dụng cho Line đầu tiên, từ Line thứ 2 trở đi phải đăng ký hoà mạng theo các chương trình dành cho dịch vụ ADSL của Viettel Telecom áp dụng tại thời điểm đăng ký.
- Trường hợp các đơn vị giáo dục (thuộc đối tượng sử dụng miễn phí) đang sử dụng 1 Line ADSL của Viettel nhưng không có nhu cầu dùng hơn 1 Line ADSL, khi đến đăng ký theo chính sách giảm giá để nghị các chi nhánh Viễn thông Tỉnh/TP hướng dẫn khách hàng làm thủ tục thanh lý hợp đồng đang dùng theo đúng quy định, đăng ký mới 1 Line ADSL theo chính sách miễn phí cho giáo dục.
- Trường hợp các đối tượng thuộc mạng giáo dục có nhu cầu băng thông Leased line quốc tế khác với các băng thông quy định trên, các CNKD liên hệ với Ban Dự án - TT PTKHDN của Viettel Telecom để phối hợp xây dựng chính sách bổ sung.



PHỤ LỤC 2: BẢNG GIÁ ÁP DỤNG CHO DỰ ÁN MẠNG GIÁO DỤC
(Các chi nhánh Viễn thông Tỉnh/TP truyền thông cho các đơn vị giáo dục tại Tỉnh/TP)

STT	Đơn vị sử dụng	Băng thông trong nước	Giá cước trong nước (Đã áp dụng chính sách ưu đãi đặc biệt)	Băng thông quốc tế	Giá cước quốc tế (Đã áp dụng chính sách ưu đãi đặc biệt)	Tổng cước (trước VAT)	VAT (10%)	Tổng cước (sau VAT)	Mô tả
1	Cơ quan Bộ GD & ĐT và Cơ quan đại diện của Bộ tại Tp. HCM	34Mbps	15,342,000	Leased line: 2Mbps	11,430,727	26,772,727	2,677,273	29,450,000	- Triển khai băng cáp quang - Cho mượn 1 Converter
2	Học viện, Đại học, Cao đẳng, Trung cấp Chuyên nghiệp	45Mbps	19,177,000	Leased line: 8Mbps	42,186,636	61,363,636	6,136,364	67,500,000	- Triển khai băng cáp quang - Cho mượn 1 Converter
		34Mbps	15,342,000	Leased line: 4Mbps	22,021,636	37,363,636	3,736,364	41,100,000	
		20Mbps	9,512,000	Leased line: 2Mbps	13,700,727	23,272,727	2,327,273	25,600,000	
		12Mbps	6,402,000	Leased line: 2Mbps	14,961,636	21,363,636	2,136,364	23,500,000	
		10Mbps	5,434,000	Leased line: 1,5Mbps	11,656,909	17,090,909	1,709,091	18,800,000	
		8Mbps	4,603,000	Leased line: 1Mbps	9,124,273	13,727,273	1,372,727	15,100,000	
		4Mbps	2,455,000	Leased line: 512Kbps	3,454,091	5,909,091	590,909	6,500,000	
		4Mbps	2,455,000	Leased line: 256Kbps	1,893,182	4,348,182	434,818	4,783,000	
3	Sở GD & ĐT	4Mbps	2,455,000	Leased line: 128Kbps	1,109,091	1,109,091	110,909	1,220,000	- Miễn phí băng thông trong nước - Triển khai băng cáp quang - Cho mượn 1 Converter
4	Phòng giáo dục, các Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục cộng đồng, Trung học phổ thông, Trung học cơ sở, Tiểu học, các trường Mẫu giáo, mầm non và các cơ sở khác tương đương thuộc Mạng Giáo dục			ADSL Net C: 2048/640 Kbps	Miễn phí				- Trường hợp hạ tầng mạng cáp ADSL có thể đáp ứng được - Tặng 1 Modem 1 công
				Edge/GPRS: 32Kbps	Miễn phí				- Trường hợp hạ tầng mạng cáp ADSL không thể đáp ứng được vùng sâu, vùng xa - Tặng 1 Modem GSM

Ghi chú:

- Tất cả chính sách theo đối tượng trên chỉ áp dụng cho Line ADSL đầu tiên, từ Line ADSL thứ 2 trở đi phải đăng ký thuê mạng theo các chương trình dành cho dịch vụ ADSL của Viettel Telecom áp dụng tại thời điểm đăng ký

Bến Tre, ngày 04 tháng 11 năm 2008

Số: 824/ CV-MDV
(V/v Cung cấp dịch vụ Tin học,
Internet học đường)

Kính gửi: Sở Giáo dục – Đào tạo Bến Tre

Lời đầu tiên, Viễn thông Bến Tre xin chân thành cảm ơn Quý Sở đã sử dụng dịch vụ của Viễn thông Bến Tre cũng như phối hợp hỗ trợ tốt việc triển khai Internet về trường học thời gian qua.

Nhằm góp phần tạo điều kiện phát triển tài năng tin học trẻ, Viễn thông Bến Tre (đơn vị tách ra của Bưu điện tỉnh Bến Tre cũ) là một trong các đơn vị được vinh hạnh tài trợ các cuộc thi tin học trẻ liên tiếp trong các năm gần đây do Tỉnh Đoàn Bến Tre phối hợp tổ chức cũng như hỗ trợ một số vật chất khác trong việc dạy và học của Ngành giáo dục.

Để tiếp tục hỗ trợ việc đẩy mạnh ứng dụng tin học cũng như các dịch vụ Internet vào học đường, Viễn thông Bến Tre sẽ hỗ trợ một phần chi phí sử dụng hàng tháng với các dịch vụ Tin học, Internet (ADSL, 1260...) do Viễn thông Bến Tre cung cấp đến các trường học, gia đình Giáo viên, CB-CNV tại các trường thuộc Quý Sở từ tháng 11/2008.

Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng hàng tháng đối với các trường vùng sâu, vùng xa thuộc khu vực viễn thông công ích do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam phê duyệt (gồm 4 xã: xã Thừa Đức thuộc huyện Bình Đại và 3 xã An Thuận, An Quy và An Nhơn của huyện Thạnh Phú).

- Các trường còn lại sẽ được hỗ trợ theo mức ưu đãi (có bảng báo giá mức ưu đãi đính kèm).

Viễn thông Bến Tre xin thông báo đến Quý sở được biết và phổ biến đến các đơn vị trong Ngành phối hợp.

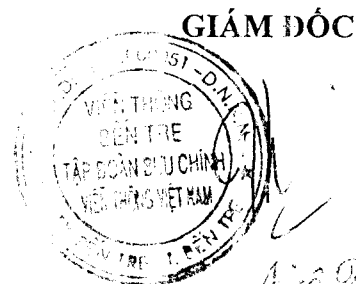
Đồng thời, Lãnh đạo Viễn thông Bến Tre cũng mong muốn sẽ có một buổi làm việc với Quý sở nhằm thống nhất một số nội dung hợp tác cung cấp dịch vụ Viễn thông, Tin học trong ngành giáo dục thời gian tới.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Sở.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, M-DV (KT)
- ST-VT 2, 3 (phối hợp)



Ngo Đình Diên

BẢNG BÁO GIÁ MỨC ƯU ĐÃI CƯỚC SỬ DỤNG DỊCH VỤ TÍN DỤNG, INTERNET

(Đính kèm văn bản số: 309 /CV-MDV ngày 01/11 /2008, Viễn thông Bến Tre)

Các mức cước chưa bao gồm VAT

TT	Đơn vị sử dụng	Chuẩn hỗ trợ	Tên gói cước	Tốc độ đường truyền	Giá dùng áp dụng (đồng/tháng)	Chỉ số sách giảm giá	Cước phải trả (đồng/tháng)	Mô tả
1	Sở Giáo dục Đào tạo, các trường Đại học, CĐ, THCN, PT, TTGD thường xuyên, phòng GD huyện, thị, TP	- Miễn phí lắp đặt. - Cấp miễn phí Modem ADSL trị giá 600.000 đồng.	Pro	4 Mbps 4096/640 Kbps	1 818 181	Giảm 45%	1 000 000	Kết nối đến toàn mạng giáo dục, đảm bảo tốc độ và dữ liệu an toàn
			Maxi+	3Mbps 3072/640 Kbps miễn phí 01 IP tĩnh	1 454 545	Giảm 50%	727 727	
			Maxi	3 Mbps 3072/640 Kbps	900 000	Giảm 84%	144 000	Phù hợp để kết nối mạng Internet và truy nhập mạng giáo dục
			Extra	2 Mbps 2048/512 Kbps	550 000	Giảm 84%	88 000	Phù hợp để kết nối mạng Internet và truy cập dữ liệu
			Family	1.5 Mbps 1536/512 Kbps	350 000	Giảm 84%	56 000	
			Easy	1 Mbps 1024/512 Kbps	250 000	Giảm 84%	40 000	
			2	Kết nối miễn phí đến các trường vùng sâu vùng xa thuộc khu vực viễn thông công ích.		Easy	1 Mbps 1024/512 Kbps	250 000
3	CB-CNV, giáo viên thuộc Sở GD-ĐT, các trường ĐH, CĐ, THCN, PT, TTGD TX.		Giảm 20% cước phát sinh (cước sử dụng và cước thuê bao) hàng tháng cho tất cả các gói cước					